TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-PT
Ngày: 28-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán tham gia: Ông K'Tiêng, ông Lê Văn Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, kiện đòi tài sản*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DSST ngày 12-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐ-PT ngày 31-12-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐ-PT ngày 12-01-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐ-PT ngày 24-01-2024; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 42/TB-DS ngày 22-02-2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐPT-DS ngày 13-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Doãn Thị N; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T - Luật sư Công ty Luật X; địa chỉ: Phường T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Bích H; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Cao T2; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê D, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Doãn Thị N và bị đơn bà Ngô Thị Bích H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-6-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30-6-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16-10-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Doãn Thị N trình bày:

Bà N và bà Ngô Thị Bích H có quan hệ hợp tác mua bán cà phê trong nhiều năm. Hai bên thống nhất phương thức chốt giá, ứng tiền trước, giao cà phê sau. Sau khi chốt giá, ứng tiền từ bà N, bà H sẽ thu mua cà phê trong dân về nhập tại kho của bà N. Cả hai mua bán hàng ngày, số lượng cà phê giao dư hoặc thiếu so với số lượng đã chốt sẽ được cộng dồn hoặc trừ vào đơn hàng tiếp theo. Các giao dịch đều được ghi vào sổ và có chữ ký xác nhận của bà H.

Ngày 30-11-2016, bà H nhận của bà N số tiền 100.000.000 đồng trong phiếu chi riêng, thoả thuận miệng lãi suất là 1%/tháng cho đến khi số tiền trên được chốt hàng hoặc trả cả gốc lẫn lãi. Trong thời gian mua bán từ đó đến năm 2018, bà H không chịu thanh toán số tiền trên mà chỉ ứng tiền và giao cà phê theo từng lô. Sau đó, bà H không mua bán và cũng không thanh toán số tiền trên cho bà.

Năm 2017, sau khi tính toán lại sổ sách, bà mới phát hiện đã chi dư cho bà H số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi chốt sổ, tổng số tiền bà H chốt bán là 3.219.300.000 đồng, số tiền bà H thực nhận là 3.319.300.000 đồng. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà H phải thanh toán cho bà số tiền 130.600.000 đồng gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 30.600.000đ tiền lãi.

Ngày 30-6-2020, bà N khởi kiện bổ sung với nội dung: Ngày 01-6-2018, bà H có ứng tiền bán cà phê và đã nhận 350.000.000 đồng. Đối với những lần ứng tiền nhưng chưa chốt giá bán cà phê thì bà và bà H thỏa thuận khi nào bà H giao cà phê thì sẽ tính giá tại thời điểm giao cà phê. Đến ngày 07-6-2018, bà H nhập lượng cà phê là 7872kg, thỏa thuận giá 36.800 đồng/kg tương đương số tiền 289.689.000 đồng. Số tiền dư còn lại bà H không nhập thêm cà phê và cũng không hoàn trả lại tiền cho bà. Do đó, bà yêu cầu bà H phải trả số tiền 60.310.000 đồng.

Ngày 16-10-2021, bà N tiếp tục khởi kiện bà H với nội dung: Qua quá trình kiểm tra sổ sách, bà phát hiện vào ngày 27-12-2015, bà H chốt bán 10.000 kg cà phê nhân với giá 33.700 đồng, thành tiền 337.000.000 đồng, tuy nhiên do

nhầm lẫn nên bà ghi trong sổ "*H bán 1000kg x 33700 = 337.000.000 đồng*". Bà H ký nhận đủ số tiền này nhưng trong các lần giao cà phê, bà H chỉ giao cho bà N 1000kg (tương ứng 33.700.000 đồng) mà không giao cho bà số lượng 9000kg còn lại. Do sơ suất viết nhầm nên tất cả các giao dịch phía sau bà chỉ lấy số lượng cà phê viết nhầm 1000kg để trừ lùi. Sau khi phát hiện việc ghi nhầm, bà đã nhiều lần yêu cầu bà H phải giao đủ số lượng cà phê tương ứng với số tiền đã nhận khi chốt bán nhưng bà H cố tình trốn tránh. Do đó, bà yêu cầu bà H trả cho bà 9000kg cà phê nhân xô mà bà H được lợi không có căn cứ. Bà xác định khoảng thời gian từ ngày 04-11-2015 đến ngày 31-7-2016, đối với số lượng cà chốt bán, cà nhập, số tiền đã nhận (trừ khoản đang tranh chấp ngày 27-12-2015) thì bà và Huyền đã thực hiện xong, không còn nợ, không có tranh chấp gì.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Bích H và người đại diện theo ủy quyền (ông Võ Cao T2) trình bày:

Bà H và bà N có quan hệ mua bán cà phê từ năm 2015 đến năm 2018 thì dừng mua bán, hình thức mua bán như bà N trình bày; cũng có khi bà N chưa có tiền ứng thì bà H vẫn giao cà phê, chốt giá, bà N đưa tiền sau. Việc mua bán diễn ra cuốn chiếu, gối đầu và liên tục trong thời gian dài. Số tiền nhận hoặc cà phê giao dư hoặc thiếu sẽ được chuyển vào đơn hàng tiếp theo. Tất cả những lần bà H nhận tiền bà H đều ký vào sổ của bà N; việc giao cà phê bà N cũng ghi vào sổ của bà N, bà N ký nhận cà phê vào sổ của bà H. Khi mua bán với nhau, bà H, bà N đã liên hệ chốt sổ sách công nợ nhưng do quan điểm trái ngược nên không thống nhất được và chưa chốt sổ sách công nợ trong thời gian mua bán.

Phiếu chi ngày 30/11/2016 số tiền 100.000.000 đồng là chữ ký của bà H nhưng phần lãi suất là do bà N ghi thêm vì giữa hai bên là mua bán cà phê chứ không vay tiền. Bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện vì đã được cập nhật trong sổ bà N và đã được trừ vào cà phê bà H đã nhập cho bà N.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 30/6/2020 của bà N, bà H xác định: Các lần giao hàng từ giữa tháng 4/2017 đến trước ngày 07/6/2018, ông D, bà N đã thanh toán đủ tiền hàng cho bà H. Ngày 01/6/2018, bà H nhận từ bà N số tiền 350.000.000 đồng, ngày 07/6/2018 bà H giao 8.095kg cà phê, thành tiền 36.800 đồng x 8095kg = 297.896.000 đồng, bà N còn dư số tiền 52.104.000 đồng.

***Ngày 26-11-2019, bà H có đơn yêu cầu phản tố với nội dung*:** Từ tháng 11-2016 đến tháng 4-2017, bà H đã giao cho bà N, ông D số cà phê tạm tính là 410.305kg cà phê nhân quy chuẩn. Tính đến giữa tháng 4-2017 bà N đã trả cho bà giá trị thành tiền của 390.458kg cà phê nhân quy chuẩn (số tiền được trả theo giá thị trường tại thời điểm mua bán). Bà N, ông D chưa thanh toán cho bà số tiền hàng đối với số cà phê là 17.229kg, tương ứng số tiền 813.208.800 đồng (giá cà phê tại thời điểm tháng 4-2017 là 47.200 đồng/kg). Tính tới thời điểm năm 2019, bà N mới trả được cho bà làm 03 đợt gồm: Lần 1 tại nhà bà N số tiền

là 10.000.000 đồng, lần 2 tại nhà bà N số tiền 58.000.000 đồng, lần 3 tại ngân hàng Viettin bank Đắk Mil số tiền 450.000.000 đồng. Còn lại 295.208.800 đồng bà N hứa sẽ đối chiếu sổ sách để thanh toán cho bà nhưng tới thời điểm hiện tại bà N chưa đối chiếu sổ sách. Do đó, bà yêu cầu bà N, ông D phải liên đới trả cho bà số tiền 295.208.800 đồng.

Tại đơn yêu cầu phản tố bổ sung ngày 26-4-2021: Bà H thay đổi yêu cầu phản tố cho rằng giai đoạn từ tháng tháng 11-2016 đến tháng 04-2017 bà N ông D còn nợ số tiền 295.208.800 đồng.

Giai giai đoạn từ tháng tháng 4-2017 đến ngày 07-6-2018, các lần ứng tiền, giao hàng từ tháng 4-2017 đến trước ngày 07-6-2018 hai ên đã thanh toán xong. Riêng đợt giao hàng ngày ngày 07-6-2018 là 8095kg, trừ tiền ứng 350.000.000đ, x36.800đx8095kg=297.896.000đ,khấu trừ còn nợ bà N 52.104.000đồng. yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông D, bà N liên đới trả cho bà số tiền hàng còn lại là 295.208.800 – 52.104.000 đồng = 243.104.800 đồng (bút lục 260 đến 262).

Đối với yêu cầu khởi kiện ngày 16/10/2021 bà H không đồng ý vì bà H chỉ chỉ chốt ứng 1000kg x 37700 đồng,bà N đã trừ số lượng cà phê bà H nhập, không có việc chốt bán 10.000kg, lúc đó bà N chưa ghi số tiền và thành chữ, sau khi bà ký thì bà N mới ghi số tiền bằng chữ và bằng số, thời điểm viết là sau ngày 16/11/2020. Bà H xác định khoảng thời gian từ ngày 04/11/2015 đến ngày 31/7/2016, đối với số lượng cà chốt bán, cà nhập, số tiền đã nhận (trừ khoản đang tranh chấp ngày 27/12/2015) thì bà H, bà N đã thực hiện xong, không còn nợ, không có tranh chấp gì.

Đối với yêu cầu phản tố của bà H, bà Doãn Thị N không chấp nhận: Bà N xác định vào tháng 4/2017 có cho bà H ứng tiền 3 lần: 10.000.000 đồng, 58.000.000 đồng và 450.000.000 đồng. Thời điểm này giữa bà và bà H chưa chốt được số lượng cà phê bà H giao dư. Do đó các bên thống nhất số tiền bà H ứng sẽ được tính lãi suất, thời điểm nào các bên chốt bán cà gửi (tức cà phê bà H giao còn tại kho bà N) thì sẽ tính lãi suất và trừ với số lượng cà chốt bán tại thời điểm. Tuy nhiên đến ngày 17/9/2018 khi các bên gặp nhau để tính toán công nợ thì các bên phát sinh tranh chấp liên quan đến mức lãi suất, bà yêu cầu tính lãi suất 1%, bà H yêu cầu tính 0,8% nên chưa thống nhất được. Sau khi các bên thỏa thuận mua bán thêm lô cà phê ngày 01/6/2018 bà có liên lạc với bà H nhưng bà H nói đã tính toán xong, không đồng ý gặp để đối chiếu lại dư nợ. Bà N cho rằng dư nợ bà H tính toán là không chính xác, vì bị nhầm lẫn lượng cà phê nhập ngày 29/12/2016 với số lượng ông D ký nhận 19.907kg.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê D trình bày: Việc mua bán giữa bà H và bà N là công việc làm ăn chung của ông và bà N. Đây là tài sản chung của vợ chồng. Ông đồng ý để bà N một mình tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Việc bà H mua bán cà phê với bà N, ông Đkhông tham gia; bà H nhận tiền và giao cà phê như thế nào ông Đức không biết, ông không có liên quan.

Tại Bản án số 38/2023/DSST ngày 12-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và "Kiện đòi tài sản" với bị đơn bà Ngô Thị Bích H.

Buộc bà Ngô Thị Bích H phải trả cho bà Doãn Thị N 9000kg (chín nghìn kilogam) cà phê nhân xô và 60.310.000 đồng (sáu mươi triệu ba trăm mười nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị N với số tiền: 43.200.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị N về việc kiện đòi tài sản về việc yêu cầu bị đơn trả 87.400.000 đồng (tám mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Ngô Thị Bích H.

Buộc bà Doãn Thị N và ông Lê D phải liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị Bích H 64.477.000 đồng.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị Bích H đối với yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 178.627.800 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, lãi suất và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-9-2023, bà Ngô Thị Bích H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bán án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H, buộc bà N phải trả cho bà H tổng số tiền 243.108.800 đồng.

Ngày 25-9-2023, bà Doãn Thị N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của bà N và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Luật sư của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bác kháng cáo của bị đơn.

Luật sư của Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Sau khi nêu nội dung, đánh giá chứng cứ, đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố

tụng dân sự: Bác kháng cáo của Nguyên đơn; chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn thanh toán 9000 kg cà phê nhân, giữ nguyên các nội dung khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Bích H và đơn kháng cáo của bà Doãn Thị N kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Qua tài liệu đương sự cung cấp, có căn cứ kết luận:

Năm 2015 và từ ngày 06-11-2016 đến ngày 06-6- 2018, bà Doãn Thị N và bà Ngô Thị Bích H mua bán cà phê với nhau theo phương thức chốt giá, ứng tiền tiền trước, giao cà phê sau hoặc giao cà phê, chốt giá, thanh toán tiền sau. Các khoản mua, bán từ ngày 06-11-2016 đến ngày 06-6-2018 giữa bà Doãn Thị N và bà Ngô Thị Bích H mâu thuẫn nên chưa quyết toán số tiền ứng, lượng cà phê chốt, lượng cà phê đã nhập. Bà N, bà H thống kê số lượng chốt bán, tiền ứng, số lượng hàng nhập với kết quả khác nhau, Tòa án cấp phúc thẩm đã cho tạm dừng phiên tòa để đối chiếu số liệu. Tuy nhiên hai đương sự không đối chiếu nên Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ tài liệu hai bên cung cấp để giải quyết vụ án.

[2.1]. Bà Doãn Thị N thống kê từ ngày 06-11-2016 đến ngày 01-6-2018: Bà H chốt bán 398.330 kg cà phê, thành tiền = 17.395.739.600 đồng,bà N đã thanh toán 18.117.700.000 đồng, chênh lệch = 721.960.400 đồng; bà H đã nhập 403.414 kg cà phê, nhập dư 5.084 kg (bút lục 277 đến 282 - tập 1 của hồ sơ vụ án).

Ngoài ra, bà N thống kê từ ngày 06-11-2016 đến ngày đến ngày 01-6-2018: Bà H chốt bán 400.208 kg, thành tiền = 17.472.803.683 đồng,bà N đã thanh toán = 18.111.000.000 đồng, chênh lệch = 638.196.317 đồng; bà H đã nhập 403.246 kg, nhập dư 3.038 kg x 36.600đ =111.201.780 đồng (bút lục 283 đến 286 - tập 1 của hồ sơ vụ án).

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N xác định: Số liệu tại bút lục 283 đến 286 là chính xác. Số tiền 638.196.317 đồng -111.201.780 đồng = 526.994.599 đồng, bà H chưa trả cho bà N.

[2.2]. Bà H thống kê từ ngày 08-11-2016 đến ngày 07-6-2018 bà H nhập cho bà N 415.784,5 kg cà phê nhân (bút lục 247-258).

[2.3]. Qua tài liệu bà H cung cấp (bút lục 143 đến 184), ngày 22-12-2023, Tòa án phúc thẩm đã cho bà N và bà H tiến hành làm việc và xác định: Từ ngày

08- 11-2016 đến ngày 07-6- 2018, bà H đã nhập cho bà N 421.309 (*bốn trăm hai mốt nghìn, ba trăm lẻ chín)* kg cà phê nhân, có chữ ký xác nhận của bà N, ông D. Bà N cho rằng số lượng cà phê 2.618kg tại bút lục 171 sau này nhập chung 2.684kg tại bút lục 173 là một; số lượng cà phê 8095kg ông D ký tại bút lục 185 chưa quy chuẩn, sau khi quy chuẩn còn 7872 kg. Bà H không thừa nhận ý kiến của bà N.

- Đối chiếu kết quả cấp phúc thẩm lập với bảng kê của bà H 421.309 kg - 415.784,5 kg, chênh lệch 5.524,5kg.

Qua rà soát kết quả thống kê của bà H và kết quả làm việc của Tòa án cấp phúc thẩm thì thấy: Bà H nhập thiếu số lượng 2.906,5 kg (bút lục 144) và thiếu 2.618 kg (bút lục 171) nên chênh lệch 5.524,5 kg. Mặt khác số lượng cà phê bà H nhập ngày 07-6-2018 là 8.095 kg, có ký nhận của bà N. Bà N kê khai nhập ngày 01-6-2018 là 7.872kg là không đúng ngày và không đúng lượng nhập.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Doãn Thị N, yêu cầu kháng cáo của bà H:

Ngày 19-11-2019, bà Nguyệt khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất 1,5% tháng, kể từ ngày nhận tiền ngày 30-11-2016, tiền lãi là 30.600.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 130.600.000 đồng; kèm theo đơn khởi kiện là phiếu chi ngày 30-11-2016 số tiền 100.000.000 đồng và các tài liệu gốc ứng tiền, nhập hàng có chữ ký của bà H (bút lục 41 đến 47 - tập 1 hồ sơ vụ án).

Bà H thừa nhận ký nhận số tiền tại phiếu chi ngày 30-11-2016 nhưng cho rằng chỉ ký ứng 100 triệu đồng, còn nội dung *"chưa chốt giá lãi 1,5% trên tháng"* bà N tự ghi thêm vào sau để khởi kiện. Số tiền 100 triệu đồng đã được cập nhật mang sang ký nhận trong sổ gốc của bà N và đã được trừ vào cà phê bà H đã nhập cho bà N. Lần chốt 2000 kg vào ngày 22-11-2016 =87.400.000 đồng bà H không ký nên bà H không chấp nhận (bút lục 48 đến 51).

Xét thấy: Phiếu chi ngày 30-11-2016 số tiền 100.000.000 đồng[1]và sổ gốc bà N cung cấp cho Tòa án[2] đã cập nhật ngày 30-11-2016 MST phiếu số tiền 100.000.000 đồng, MST được các bên giải thích *"mang sang theo"*. Như vậy, số tiền 100.000.000 đồng và Phiếu chi ngày 30-11-2016 đã được bà N mang sang cộng sổ cùng với số lượng cà phê bà H nhập, không phải chi dư, chưa cập nhật như bà N trình bày.

Tại phiên tòa, bà N rút yêu cầu đối với số tiền 43.200.000đồng, chỉ yêu cầu bà H trả 87.400.000 đồng. Số tiền 87.400.000 đồng ngày 22-11-2016 bà H không ký sổ bà N, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện số tiền này là có căn cứ.

Ngày 03-6-2020, bà Doãn Thị Nguyệt khởi kiện bổ sung cho rằng ngày

---

[1] bút lục số 41, 2 bút lục số 42,43

01-6-2018 bà H ứng 350.000.000 đồng, chốt giá 36.800đ/kg; ngày 07-6-2028 bà H nhập 7.872 kg = 289.689.000đồng, cân đối bà H còn nợ lại là 60.310.000đồng và tiếp tục yêu cầu bà H trả số tiền này, kèm theo lãi suất 1% tháng, kèm theo đơn khởi kiện là tài liệu bà H nhận 350.000.000 đồng (bl 131, 186,187).

***Xét thấy*:** Bảng chi tiết bà H lập (bl 247 đến 258) từ ngày 08-11-2016 đến ngày 07-6-2018 thể hiện bà H nhập cho bà N 415.784,5 kg cà phê nhân; trong đó cà phê nhập ngày 07-6-2018 là 8.095 kg.

Tại Biên bản làm việc ngày 22-12-2023 của Tòa án phúc thẩm đối với các đương sự: Từ ngày 08- 11-2016 đến ngày 07-6- 2018, bà H đã nhập cho bà N 421.309 kg cà phê nhân, trong đó có số lượng cà phê bà H nhập ngày 07-6-2018 là 8.095 kg, có ký nhận của bà N. Như vậy bà N kê khai nhập ngày 01-6-2018 là 7.872kg là sai ngày và sai số lượng. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà N.

Ngày 16-10-2021, bà Doãn Thị N tiếp tục khởi kiện bà H với nội dung: Vào ngày 27-12-2015 bà H chốt bán 10.000 kg cà phê x 33.700đ thành tiền 337.000.000 đồng nhưng bà N chỉ ghi 1000kg, bà H đã giao 1000 kg; bà N cho rằng bị nhầm lẫn nên khởi kiện yêu cầu bà H phải trả 9000 kg cà phê (bl số 30,31, tập 2 hồ sơ vụ án).

Kết luận giám định không xác định được tuổi mực nội dung 337.000.000 đồng (ba trăm ba bảy triệu đồng chẵn) bà N ghi cùng thời điểm hay ghi sau.

Bà H chỉ thừa nhận ký tên chốt bán, ứng tiền 1000kg, đơn giá 33.700 đồng/kg, số lượng này bà N đã nhập và cộng sổ. Bà H không ký nhận chữ số 337.000.000 đồng và ghi bằng chữ *"ba trăm ba bảy triệu đồng chẵn"* mà cho rằng nội dung này bà N ghi sau để khởi kiện bà H.

***Xét thấy*:** Bà N tự cập nhật số liệu từ ngày 04-11-2015 đến ngày 21-12-2015, bà H ứng, chốt bán 4000 kg, đã nhập = 4098 kg[1]; từ ngày 18-12-2015 đến ngày 21-12-2015 bà Huyến ứng, chốt bán 10.000 kg, đã nhập 10.465kg[2] cà phê, cộng [1] và [2] dư 563 kg cà phê; từ ngày 22-12-2015 đến ngày 27-12-2015, bà H ứng chốt bán 06 lần = 6.000 kg; trong đó ngày 27-12-2015 chốt 02 lần mỗi lần 1000 kg, đơn giá 33.700 đồng; đã nhập 5.996,6 kg + 563kg cà phê dư trừ đi 6000kg chốt bán, bà H còn nhập dư cho bà N là 559,6 kg cà phê (bl 30,31). Nếu bà H có ứng số tiền 337.000.000 đồng ghi rõ bằng chữ *"ba trăm ba bảy triệu đồng chẵn"* thì bà H nhập thiếu 8.440,4 kg cà phê chứ không phải nhập dư cho bà N 559,6 kg cà phê. Mặt khác, lượng cà phê chốt bán 1000 kg x33.700 đồng nhưng ghi số tiền 337.000.000 đồng ghi rõ bằng chữ *"ba trăm ba bảy triệu đồng chẵn"* là không đúng. Ngoài ra Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 27-9-2019 (bl 48 đến 51) *bà N xác định các lần mua bán trước ngày 06-11- 2016 đã được hai bên thanh toán xong không còn nợ nần gì nhau.*

Do đó không có căn cứ để chấp nhận việc bà N yêu cầu bà H trả 9000 kg cà phê bị nhầm lẫn.

Cấp sơ thẩm đánh giá chứng không đầy đủ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là không đúng và không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N; đồng thời có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa án sơ thẩm. Bác yêu cầu của bà N đòi bà H trả số tiền 60.310.000đồng và 9000 kg cà phê nhân.

[4]. Đối với kháng cáo của Nguyên đơn, Bị đơn về yêu cầu phản tố bà H yêu cầu bà N, ông D phải liên đới trả cho bà số tiền 243.104.800 đồng:

Tại đơn phản tố bổ sung (bl 260), bà H cho rằng bà N còn nợ 295.208.800 đồng nhưng lần chốt và giao ngày ngày 07-6-2028 bà H còn nợ 52.104.000đồng, bà N còn nợ 243.104.800 đồng.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 22-12-2023 của Tòa án cấp phúc thẩm đối với các đương sự: Từ ngày 08- 11-2016 đến ngày 07-6- 2018, bà H đã nhập cho bà N 421.309 kg cà phê nhân.

Căn cứ Bảng công nợ của H-L do bà N lập từ ngày 08-11-2016 đến ngày 01-6-2018 bà H nhập 403.414 kg cà phê nhân.

Cân đối số liệu bà H nhập cho bà N *421.309 kg- 403.414 kg, bà H nhập dư 17.895 kgcho bà N*. Bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 243.104.800 đồng, Tòa án giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện, có căn cứ chấp nhận kháng cáo sửa án sơ thẩm buộc bà N trả cho bà H số tiền 243.104.800 đồng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N.

[5]. Về chi phí giám định: Bà Doãn Thị N phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) chi phí giám định, được trừ vào số tiền đã nộp.

[6]. Về án phí:

- *Về án phí sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện bị bác nên bà N phải chịu án phí trên số tiền bị Tòa án bác yêu cầu và án phí trên số tiền phải trả cho bà H; ông D phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà H. Tuy nhiên, bà N và ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí theo khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do yêu cầu phản tố được chấp nhận, Bị đơn bà H không phải chịu án phí, trả lại cho bà H số tiền đã nộp tạm ứng.

- *Về án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo được chấp nhận, trả lại cho bà Ngô Thị Bích H 300.000đồng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001655 ngày 16-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Mil.

Do kháng cáo không được chấp nhận, bà Doãn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên miễn cho bà N do là người cao tuổi.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Doãn Thị N; chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị

Bích H; sửa một phần bản án sơ thẩm số 38/2023/DSST ngày 12-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 BLTTDS.

Áp dụng Điều 430; Điều 431; Điều 432; Điều 433; Điều 434; Điều 435; Điều 436; Điều 437; Điều 440; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị N đối với Bị đơn bà Ngô Thị Bích H về việc buộc bà H phải trả cho bà Doãn Thị N 9000kg *(chín nghìn kilogam)* cà phê nhân xô và số tiền 60.310.000đ *(sáu mươi triệu ba trăm mười nghìn đồng).*

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị N đối với số tiền 43.200.000đ *(bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng)*.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Ngô Thị Bích H.

Buộc bà Doãn Thị N và ông Lê D phải liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị Bích H số tiền 243.104.800đ *(hai trăm bốn mươi ba triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí giám định: Bà Doãn Thị N phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) chi phí giám định, được trừ vào số tiền đã nộp.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho nguyên đơn bà Doãn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê D.

Trả lại cho nguyên đơn bà Doãn Thị N số tiền tạm ứng án phí 3.265.000 đồng theo biên lai số 001651 ngày 09/7/2019 và số tiền tạm ứng 1.507.000 đồng theo biên lai số 0003466 ngày 30/6/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trả lại cho bị đơn bà Ngô Thị Bích H 7.380.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001827 ngày 04/12/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M.

5.2. Về án phí phúc thẩm:

- Trả lại cho bà Ngô Thị Bích H 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0001645 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Trả lại cho bà Doãn Thị N 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001655 ngày 16-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC TP.HCM
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tài sử